TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1038/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 26/7/2017
V/v Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: **Lê Văn Đường**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: **Lê Thị Tý**.

2. Bà: **Đỗ Thi Giang**.

Thư ký phiên tòa: Bà: **Phạm Thị Nga** - Là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông: **Võ Kim Cường** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2017, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1305/2016/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2016 về "Tranh chấp Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 86/2017/QĐST - HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà: **Trương Thị Hồng N**, sinh năm: 1987

Địa chỉ: Đường N, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

Bị đơn: Ông: **Võ Thanh T**, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Đường L, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Trương Thị Hồng N và ông Võ Thanh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và đã được Ủy ban nhân dân phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 35, ngày 08 tháng 5 năm 2006.

Bà Trương Thị Hồng N và ông Võ Thanh T sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do vợ, chồng không ai tôn trọng ai, ai chỉ biết bổn phận của người đó, bỏ mặc nhau sống ra sao thì sống. Từ đó, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng,

đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà Trương Thị Hồng N và ông Võ Thanh T đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Hồng N giữ nguyên yêu cầu ly hôn đối với ông Võ Thanh T.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà Trương Thị Hồng N và ông Võ Thanh T có 01 (một) con chung tên Võ Tấn P, sinh ngày 08 tháng 5 năm 2007. Bà Trương Thị Hồng N yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Võ Tấn P và không yêu cầu ông Võ Thanh T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà Trương Thị Hồng N xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án nhân dân quận Bình Tân đã tống đạt trực tiếp, nhưng không được nên đã lần lượt niêm yết thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Võ Thanh T không có mặt, nên không thu thập được lời khai và cũng không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Trương Thị Hồng N vắng mặt, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Võ Thanh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt và không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án trên là đúng thẩm quyền. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (bà Trương Thị Hồng N) và buộc bà N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Thị Hồng N và Võ Thanh T là hôn nhân hợp pháp, nhưng bà N cho rằng quan hệ hôn nhân giữa bà và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà đã yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn đối với ông T. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "Tranh chấp Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn (ông Võ Thanh T) cư trú tại quận Bình Tân. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Trương Thị Hồng N vắng mặt, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Võ Thanh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt và không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có tên trên.

2. Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Hồng N, bà N cho rằng vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau (Không ai tôn trọng ai, ai chỉ biết bổn phận của người đó, bỏ mặc nhau sống ra sao thì sống) và vợ, chồng không chung sống với nhau (Đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay), nhưng không có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, học tập... và lý do chính đáng khác. [Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014].

Từ các nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn như đã nêu trên, đã làm cho mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Trương Thị Hồng N và ông Võ Thanh T ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà Trương Thị Hồng N đã yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn đối với ông Võ Thanh T. [Khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014].

Ông Võ Thanh T không phản đối về những tình tiết, sự kiện mà bà Trương Thị Hồng N đã đưa ra như đã nêu trên là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Như vậy, đã có căn cứ về việc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. [Điều 19 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014].

Vì vậy, với yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Hồng N đối với ông Võ Thanh T. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà N là có căn cứ, phù hợp với các quy định tại Điều 19, khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên chấp nhận.

2.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Xét yêu cầu của bà Trương Thị Hồng N về việc được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Võ Tấn P, sinh ngày 08 tháng 5 năm 2007 và không yêu cầu ông Võ Thanh T cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà N là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của các cháu

P và phù với các quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014, nên chấp nhận. Trường hợp có yêu cầu về cấp dưỡng cho con hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà Trương Thị Hồng N xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp có yêu cầu sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật.

2.4. Về án phí: Bà Trương Thị Hồng N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Võ Thanh T không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

2.5. Về quyền kháng cáo: Bà Trương Thị Hồng N và ông Võ Thanh T được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 5 Điều 70; Điều 71; Điều 72; khoản 1 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 93; Điều 94; Điều 95; Điều 96; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Hồng N đối với ông Võ Thanh T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Hồng N được ly hôn với ông Võ Thanh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 35, ngày 08 tháng 5 năm 2006 của Ủy ban nhân dân phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Có 01 (một) con chung tên Võ Tấn P, sinh ngày 08 tháng 5 năm 2007. Giao cháu P cho bà Trương Thị Hồng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận bà Trương Thị Hồng N không yêu cầu ông Võ Thanh T cấp dưỡng cho con.

Bà Trương Thị Hồng N và ông Võ Thanh T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Ông Võ Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Bà Trương Thị Hồng N và ông Võ Thanh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà Trương Thị Hồng N xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp có yêu cầu sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật.

1.4. Về án phí: Bà Trương Thị Hồng N phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) là tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0001287 ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, bà Trương Thị Hồng N đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

1.5. Về quyền kháng cáo: Bà Trương Thị Hồng N và ông Võ Thanh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Bình Tân;
- Chi cục THADS quận B;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Văn Đường